

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 856/UBND-DT

Như Xuân, ngày 20 tháng 9 năm 2016

V/v báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, mua máy móc nông cụ cho các hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK theo QĐ 755/QĐ-TTg.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt, mua máy móc nông cụ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Để nắm bắt tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định 755/QĐ-TTg, qua đó kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu chủ tịch UBND các xã, thị trấn báo cáo tình hình thực hiện chính sách với các nội dung chính sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ đến hết ngày 30/9/2016 (báo cáo theo biểu gửi kèm). Báo cáo UBND huyện trước ngày 10/10/2016.

2. Đối với các đơn vị được phân bổ vốn hỗ trợ đất sản xuất, thời hạn giải ngân chỉ được phép đến hết tháng 12 năm 2016 do đó yêu cầu các xã rà soát trong tổng số hộ được UBND huyện phân bổ vốn tại các Quyết định số 1804/QĐ-UBND(năm 2015); 577/QĐ-UBND(năm 2016):

- Những hộ nào tiếp tục có khả năng thực hiện được thì đẩy nhanh tiến độ thực hiện hỗ trợ cho người dân.

- Những hộ nào không có khả năng thực hiện được: Lập danh sách cụ thể những hộ đề xuất xin chuyển sang mua máy móc, nông cụ. Danh sách những hộ xin rút không thực hiện chính sách (nêu rõ lý do không thực hiện được; có đơn xác nhận của người dân đề xuất xin chuyển sang mua máy móc hoặc xin rút không tham

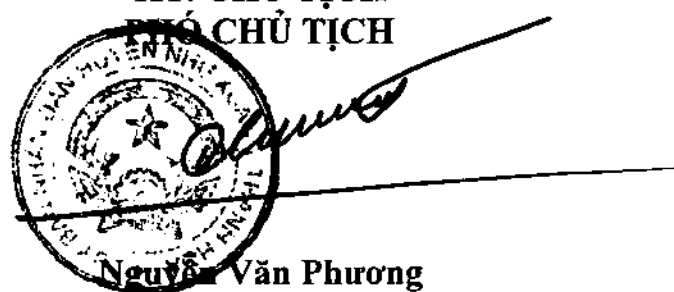
gia nhận hỗ trợ nữa; trong danh sách các hộ ghi rõ hộ đó được phân bổ vốn tại Quyết định nào của UBND huyện). Báo cáo UBND huyện trước ngày 30/9/2016. Sau thời hạn báo cáo trên nếu đơn vị nào không có báo cáo gửi về UBND huyện thì coi như không có nhu cầu chuyển đổi nội dung hỗ trợ.

Báo cáo về UBND huyện (qua phòng Dân tộc) và qua hòm thư điện tử (địa chỉ mail: halh.nhuxuan@thanhhoa.gov.vn)/.

Nơi nhận

- Như trên (T/hiện);
- D.Tộc, T.chính-kế hoạch;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỒ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT THEO QĐ 755/QĐ-TT.G, GIAO VỐN TẠI QĐ 1804/QĐ-UBND

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch				Tổng số hộ đã phê duyệt	Thực hiện				% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ	Diện tích(ha)				Tổng số hộ	Diện tích(ha)			
		Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng sản xuất	Tổng vốn	Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng sản xuất	Đất ...	Tổng vốn	
1	Cát Tân	19	1,65	8,5	55.310.000						
2	Tân Bình	45	2,1	15,5	675.000.000						
3	Thanh Phong	8	1,5	4	78.390.000						
4	Thanh Sơn	56	13	28	763.800.000						
5	Thanh Xuân	22	2,6	9,3	209.000.000						
6	Xuân Hòa	85		36,88	1.136.400.000						
7	Xuân Quý	4		2	60.000.000						
8	Yên Cát	2	0,5	0,9	27.900.000						
9	Yên Lễ	21		0,9	315.000.000						
10	Thanh Hòa	16		1,5	106.600.000						
11	Thanh Lâm	45	2,7	1,3	321.000.000						
12	Thanh Quân	29	7,2	2,4	245.400.000						
13	Thương Ninh	1		0,5	11.000.000						
		353	23,4	21,35	135,03						
					4.004.800.000						

Chú ý: - biểu 01a, 01b là của Quyết định 1804/QĐ-UBND; biểu 02a, 02b, 02c là của Quyết định 577/QĐ-UBND; biểu 03b, 03c là của Quyết định 1633/QĐ-UBND

- Tổng số hộ đã phê duyệt: là số hộ mà xã lập tờ trình xin phê duyệt và huyện đã có Quyết định phê duyệt danh sách

- Phần thực hiện: Thông nhất số liệu với kế toán báo cáo cụ thể kết quả thực hiện đến thời điểm báo cáo (số liệu tổng hợp đến ngày 30/9/2016)

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỒ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN THEO QĐ 755/QĐ-TTĐ, GIAO VỐN TẠI
QĐ 1804/QĐ-UBND**

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch		Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	Cát Vân	123	159.900.000			
2	Cát Tân	15	19.500.000			
3	Hóa Quý	36	46.800.000			
4	Tân Bình	53	68.900.000			
5	Thanh Hòa	88	114.400.000			
6	Thanh Lâm	41	53.300.000			
7	Thanh Phong	83	107.900.000			
8	Thanh Sơn	30	39.000.000			
9	Thanh Xuân	44	57.200.000			
10	Thanh Quân	78	101.400.000			
11	Thượng Ninh	54	70.200.000			
12	Xuân Hòa	53	68.900.000			
13	Xuân Quý	14	18.200.000			
14	Yên Cát	8	10.400.000			
15	Yên Lễ	11	14.300.000			
		731	950.300.000			

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỒ TRỢ ĐẤT SẢN XUẤT THEO QĐ 755/QĐ-TTG, GIAO VỐN TẠI QĐ 577/QĐ-UBND

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Tổng số hộ	Kế hoạch				Tổng vốn	Tổng số hộ đã phê duyệt	Tổng số hộ	Thực hiện				% thực hiện so với kế hoạch
			Diện tích(ha)							Diện tích(ha)				
			Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất			Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng sản xuất	Tổng vốn		
1	Tân Bình	5				3	75.000.000							
2	Yên Lễ	61		17,44		16,85	723.500.000							
3	Thanh Lâm	64		0,05	4,4	10,3	914.300.000							
4	Xuân Bình	110	28	16,8		112	1.483.000.000							
5	Xuân Hòa	1				0,3	14.900.000							
	Tổng	241	28	34,29	4,4	142,45	3.210.700.000							

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN THEO QĐ 755/QĐ-TTG, GIAO VỐN TẠI
QĐ 577/QĐ-UBND**

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch		Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	Tân Bình	15	19.500.000			
2	Bãi Trành	36	46.800.000			
3	Hóa Quý	15	19.500.000			
4	Thanh Xuân	94	122.200.000			
5	Thanh Xuân	15	19.500.000			
6	Xuân Hòa	16	20.800.000			
7	Xuân Quý	35	45.500.000			
8	Thượng Ninh	35	45.500.000			
9	Thanh Hòa	33	42.900.000			
10	Cát Tân	6	7.800.000			
11	Thanh Sơn	21	27.300.000			
12	Thanh Lâm	114	148.200.000			
13	Yên Lễ	118	153.400.000			
14	Xuân Bình	132	171.600.000			
	Tổng	685	890.500.000			

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỒ TRỢ MUA MÁY MÓC, NÔNG CỤ THEO QĐ 755/QĐ-TTG, GIAO VỐN TẠI
QĐ 577/QĐ-UBND**

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch		Tổng số hộ đã phê duyệt	Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	Tân Bình	6	30.000.000				
2	Cát Văn	6	30.000.000				
3	Bãi Trành	2	10.000.000				
4	Hóa Quý	8	40.000.000				
5	Thanh Quan	8	40.000.000				
6	Xuân Hòa	2	10.000.000				
7	Xuân Quý	1	5.000.000				
8	Thanh Lâm	1	5.000.000				
9	Cát Tân	1	5.000.000				
10	Thanh Sơn	19	95.000.000				
11	Yên Lễ	39	195.000.000				
12	Xuân Bình	52	260.000.000				
	Tổng	145	725.000.000				

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN THEO QĐ 755/QĐ-TTĐ, GIAO VỐN TẠI QĐ 1633/QĐ-UBND

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch		Tổng số hộ đã phê duyệt	Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	Xuân Bình	42	54.600.000				
2	Bãi Trành	27	35.100.000				
Tổng		69	89.700.000				

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ MUA MÁY MÓC NÔNG CỤ THEO QĐ 755/QĐ-TTG, GIAO VỐN TẠI

QĐ 1633/QĐ-UBND

(Kèm theo công văn số: 856/UBND-DT ngày 20/9/2016 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Xã	Kế hoạch		Tổng số hộ đã phê duyệt	Thực hiện		% thực hiện so với kế hoạch
		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí		Tổng số hộ hưởng lợi	Kinh phí	
1	Xuân Quý	2	10.000.000				
2	Thanh Sơn	59	295.000.000				
Tổng		61	305.000.000				